

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lâm Quang **c1**, sinh năm 1980, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 15, khóm V1, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông LVT (đã chết) và bà TTD (đã chết); có vợ là DTO (đã ly hôn) và có 02 con; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ bảy.

Nhân thân: Ngày 24/02/1999, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong, đã xóa án tích.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/02/2018, Tòa án nhân dân thành phố X quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Lâm Vũ **c2**, sinh năm 1984, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 09, khóm Vĩnh Đông 1, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp:

không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông LVT (đã chết) và bà TTD (đã chết); có vợ là LNH và có 04 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2018; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ tám.

Nhân thân: Ngày 21/3/2002, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) X xử phạt 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong, xóa án tích.

Tiền án: Ngày 25/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2021 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

1. Anh Bùi Văn **AM**, sinh năm 2007, nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh K; nơi tạm trú: tổ 02, khóm V1, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại AM: Bà Lê Thị Tm, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh K; (vắng mặt).

2. Ông Phạm Quang **OH**, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ Giáp Trung, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh **D**, sinh năm 1978; (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn **D**, sinh năm 1960; (vắng mặt).

3. Ông Phù Tuấn **C**, sinh năm 1955; (vắng mặt).

4. Ông Phan Văn **B**, sinh năm 1959; (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn **A**, sinh năm 1994; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** (anh, em ruột) rủ nhau cùng thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, như sau:

Vụ 1: Khoảng 14 giờ ngày 19/9/2020, Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** đến khu vực tổ 21, khóm V1, phường S, thành phố X nhìn thấy Bùi Văn **AM** (sinh năm 2007) đang ngủ, để sạc pin điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy-A20S trên bàn máy tính, **c2** kêu **c1** lấy trộm, đưa **c2** đem bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch), được 900.000đồng, cùng mua ma túy sử dụng.

Vụ 2: Khoảng 06 giờ ngày 14/01/2021, c1 rủ c2 đến khu vực Chánh điện Miếu bà S (thuộc khu vực tổ 27, khóm V1, phường S, thành phố X), xin trái cây, nhìn thấy 01 túi xách đựng 01 máy đóng đinh cầm tay, 01 máy khoan điện cầm tay, 01 máy chà nhám rung cầm tay của ông Phạm Quang OH để bên hông Chánh điện Miếu; c2 kêu c1 lấy trộm, để vào túi nhựa màu đen, đưa c2 đem bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch), được 700.000đồng, cùng mua ma túy sử dụng.

Phát hiện bị mất trộm tài sản, các bị hại Bùi Văn AM, Phạm Quang OH trình báo Cơ quan Công an, sau khi mời làm việc, c1, c2 thừa nhận hành vi phạm tội.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 248 và số 40 ngày 09/10/2020 và ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy-A20S, trị giá 2.500.000đồng (của Bùi Văn AM); 01 máy khoan điện, loại cầm tay, nhãn hiệu Maktec, trị giá 500.000đồng; 01 máy chà nhám rung, loại cầm tay, nhãn hiệu Mikita, trị giá 600.000đồng; 01 máy đóng đinh, loại cầm tay, nhãn hiệu Meite T50, trị giá 400.000đồng (tổng trị giá 1.500.000đồng của Phạm Quang OH). Tổng trị giá tài sản do Lâm Quang c1, Lâm Vũ c2 chiếm đoạt là 4.000.000đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giam Lâm Quang c1 và Lâm Vũ c2 để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSCĐ ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố các bị cáo Lâm Quang c1 và Lâm Vũ c2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo c1, c2 khai nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, cụ thể:

Khoảng 14 giờ ngày 19/9/2020, phát hiện thấy bị hại AM ngủ trên ghế nhựa, kê bên có đề điện thoại đang sạc pin nên c2 kêu c1 lên lút lấy trộm điện thoại Samsung của bị hại AM đem bán cho người đàn ông được 900.000đồng rồi cùng nhau mua ma túy sử dụng.

Khoảng 06 giờ ngày 14/01/2021, khi đến khu vực bên hông Chánh điện Miếu bà phát hiện 01 túi xách đựng 01 máy khoan điện, 01 máy đóng đinh, 01 máy chà nhám không người trông giữ nên c2 kêu c1 lấy trộm, để vào túi nhựa màu đen và đem bán cho người đàn ông được 700.000đồng rồi cùng nhau mua ma túy sử dụng.

Các bị cáo thống nhất với các kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trạng cùng sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X lập; đối với các tài sản lấy trộm được các bị cáo bán cho người lạ được tổng cộng 1.600.000đồng cùng nhau mua ma túy

sử dụng. Các bị cáo đồng ý cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại AM số tiền 2.500.000đồng.

Chủ tọa công bố lời khai của các bị hại Bùi Văn AM, Phạm Quang OH; người làm chứng Nguyễn Thị Ánh D, Nguyễn Văn D, Phù Tuấn C, Phan Văn B, Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn; trong đó, bị cáo c2 giữ vai trò chủ mưu, rủ rê, lôi kéo, xúi giục bị cáo c1 thực hiện hành vi phạm tội, sau khi tiếp nhận ý chí từ bị cáo c2 thì c1 thực hành tích cực, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ và phân công trong thực hiện tội phạm.

Bị cáo c2 đã bị kết án về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nghiện ma túy, bị cáo c1 đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án về tội cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng, ngày 12/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố X đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo c2 đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) X kết án về tội gây rối trật tự công cộng nhưng các bị cáo không sửa đổi mà tiếp tục phạm tội. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thuộc thành phần lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lâm Quang c1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm

2015 xử phạt bị cáo Lâm Vũ **c2** từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự,

Bị hại Phạm Quang **OH** không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các tài sản bị mất trộm nên ghi nhận, không đề cập giải quyết.

Bị hại Bùi Văn **AM** có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản theo giá trị đã được Hội đồng định giá định giá; tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại **AM** số tiền 2.500.000 đồng nên đề nghị ghi nhận, buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại **AM**.

Đối với những người đàn ông (không rõ lai lịch) mua tài sản do các bị cáo **c1**, **c2** trộm cắp đem bán, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Các bị cáo **c1**, **c2** thống nhất theo quan điểm luận tội, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại Bùi Văn **AM** (người đại diện hợp pháp Lê Thị Tm), Phạm Quang **OH** và những người làm chứng Nguyễn Thị Ánh **D**, Nguyễn Văn **D**, Phù Tuấn **C**, Phan Văn **B**, Nguyễn Văn **A** vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo, xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra, lời khai nhận của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng cùng các nguồn chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như các biên bản

khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường ngày 26/3/2021 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X lập. Từ đó, có cơ sở xác định:

Vào khoảng 14 giờ ngày 19/9/2020, lợi dụng bị hại ngủ, sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo **c1**, **c2** có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Bùi Văn AM 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy-A20S, đem bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được 900.000 đồng. Kết quả định giá tài sản xác định, trị giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy-A20S là 2.500.000đồng.

Vào khoảng 06 giờ ngày 14/01/2021, bị cáo **c1**, **c2** tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Phạm Quang OH 01 máy đóng đinh cầm tay, 01 máy khoan điện cầm tay, 01 máy chà nhám rung cầm tay và đem bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được 700.000đồng. Kết quả định giá tài sản xác định, trị giá 01 máy đóng đinh cầm tay, 01 máy khoan điện cầm tay, 01 máy chà nhám rung cầm tay là 1.500.000đồng.

Như vậy, bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.000.000đồng nên hành của các bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Các bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi, với mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, xâm phạm quan hệ sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân; vì vậy, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Các bị cáo là người đang ở độ tuổi lao động; đáng lẽ, các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì háms lợi, nghiện ma túy các bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Bên cạnh đó, các bị cáo đều có nhân thân không tốt, cùng nghiện ma túy; bị cáo **c1** bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng” vào ngày 24/02/1999 và bị Tòa án nhân dân thành phố X ra quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 12/02/2018; bị cáo **c2** bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) X xử phạt 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” vào ngày 21/3/2002. Điều này thể hiện các bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo

khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức về hành vi đã thực hiện, đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về đồng phạm, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo **c1**, **c2** đều là người thực hành, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công trong thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo có sự liên kết, hỗ trợ nhau để cùng thực hiện tội phạm, trong đó, bị cáo **c2** giữ vai trò chủ mưu, rủ rê, xúi giục bị cáo **c1** thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, có xem xét đến tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo trong đồng phạm khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo **c2** đã bị kết án về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chưa được xóa án tích nên với lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **c2** được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo **c1** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; thuộc thành phần lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cho nên, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Bùi Văn **AM** yêu cầu các bị cáo **c1**, **c2** liên đới bồi thường cho bị hại giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy-A20S với số tiền là 2.500.000đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo **c1**, **c2** đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại **AM** nên ghi nhận để buộc các bị cáo thực hiện. Bị hại Phạm Quang **OH** không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt do không thu hồi được là 1.500.000đồng nên ghi nhận.

[10] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo **c1**, **c2** đã bán tài sản trộm được của ông **OH** thu lợi 700.000đồng và hiện ông **OH** không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên xác định số tiền 700.000đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên buộc các bị cáo giao nộp sung quỹ nhà nước.

[11] Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) mua tài sản do **c1**, **c2** trộm cắp đem bán, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lâm Quang **c1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt Lâm Quang **c1**: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/01/2021 (*ngày mười sáu, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lâm Vũ **c2** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt Lâm Vũ **c2**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/3/2021 (*ngày hai mươi bốn, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 357, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Văn **AM** 2.500.000 đồng (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc các bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** nộp 700.000đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Lâm Quang **c1**, Lâm Vũ **c2** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các bị hại Bùi Văn **AM** (người đại diện hợp pháp Lê Thị Tm), Phạm Quang **OH** vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. X (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung